

Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ

Krông Năng, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 138/2026/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Phan Thị P**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: **Thôn E, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk**.

Anh **Ngô Văn B**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: **Thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị **Phan Thị P** và anh **Ngô Văn B** là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2020 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 24/11/2020.

[2] Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, anh **Ngô Văn B** và chị **Phan Thị P** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy anh **Ngô Văn B** và chị **Phan Thị P** thật sự tự nguyện ly hôn, thống nhất về cách giải quyết vấn đề con chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Ngô Văn B** và chị **Phan Thị P** thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2020 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 24/11/2020 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị **Phan Thị P** phải nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí mà bà **P** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004047 ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắc Lắc.

Anh **Ngô Văn B** phải nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí mà anh **B** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004049 ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắc Lắc.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 10 – Đắc Lắc;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắc Lắc;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Lộc, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án; V.Phòng Tòa án;

**THẨM PHÁN**

**Cao Anh Tuấn**